

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ - ST

Ngày 28/07/2022

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thiện Thành

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tăng và ông Đinh Công Hiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Hồng Mơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 07 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1966; địa chỉ thôn 2, xã G, huyện V, tỉnh N; Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ đội 4, thôn L, xã G, huyện V, tỉnh N; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20 tháng 12 năm 2021, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Công T trình bày: Giữa ông Nguyễn Công T và bị đơn là bà Dương Thị H, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 01 năm 2019, tại Ủy ban nhân dân xã Gia T, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại thôn 2, xã Gia T, huyện V, tỉnh N. Ông Nguyễn Công T và bà Dương Thị H chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời ngắn thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, tuổi tác chênh lệch, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia

đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên bà H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại đội 4, thôn L, xã G, huyện V, tỉnh N để ở và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho tới nay. Ông T thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Dương Thị H.

Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Công T trình bày vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Ông Nguyễn Công T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía bị đơn là bà Dương Thị H đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của ngời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Cho ông Nguyễn Công T được ly hôn bà Dương Thị H;

Về án phí: Ông Nguyễn Công T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Công T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho ông được ly hôn bà Dương Thị H; bà Dương Thị H có nơi cư trú tại xã G, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Công T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Dương Thị H đã được Tòa án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Công T và bà Dương Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Gia T, huyện V, tỉnh N vào ngày 07 tháng 01 năm 2019. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người chung sống hoà thuận hạnh phúc được thời ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, chênh lệch về tuổi tác, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, đánh nhau. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Điều này phù hợp với biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân do Tòa án thu thập tại UBND xã G. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện V đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng bà Dương Thị H cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Công T.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Ông Nguyễn Công T không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Ông Nguyễn Công T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Công T và bà Dương Thị H được ly hôn;

2. Về án phí: Ông Nguyễn Công T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2021/0003976 ngày 30/12/2021.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thiện Thành